

Số: 24/2026/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 10/2026/TLST- DS ngày 10-02-2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 08-11-1961; căn cước công dân số: 034161004345; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh ngày 08-02-1981; căn cước công dân số: 034181005522; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà D đường L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Mạnh Q, sinh ngày 02-12-1976; căn cước công dân số: 036076023095; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà D đường L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

## II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị T, chị Phạm Thị T1, anh Trần Mạnh Q1 đều thống nhất xác nhận: Chị Phạm Thị T1 và anh Trần Mạnh Q còn nợ bà Nguyễn Thị T tổng số tiền: 62.350.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); cụ thể bao gồm: Số tiền bà T nộp thay cho chị T1 của dây phường (họ) 1 là : 15.000.000 đồng, số tiền bà T nộp thay cho chị T1 của dây phường (họ) 2 là: 30.000.000 đồng và số tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng từ tháng 10-2015 đến tháng 6-2025 với lãi suất 1,5%/tháng là 17.350.000 đồng.

2. Về phương án trả nợ: Chị Phạm Thị T1 và anh Trần Mạnh Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 62.350.000 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) trong thời hạn 09 (chín) tháng, kể từ tháng 4 năm 2026 đến hết tháng 12 năm 2026. Từ tháng 4-2026 đến tháng 11-2026 mỗi tháng trả 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), tháng 12-2026 trả số tiền còn lại là 6.350.000 đồng (sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, người phải thi hành án, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T1 và anh Trần Mạnh Q liên đới phải nộp số tiền 1.559.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) (đã làm tròn).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### **THẨM PHÁN:**

